

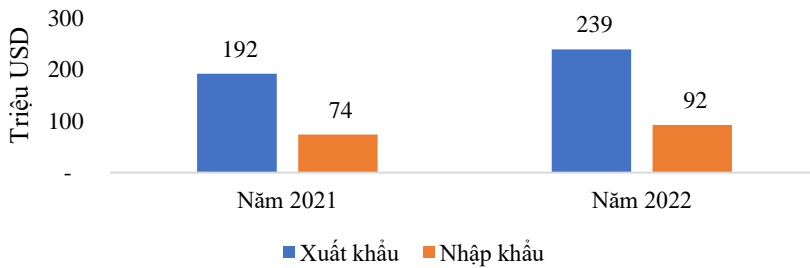
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HÀN QUỐC



TÌNH HÌNH CHUNG

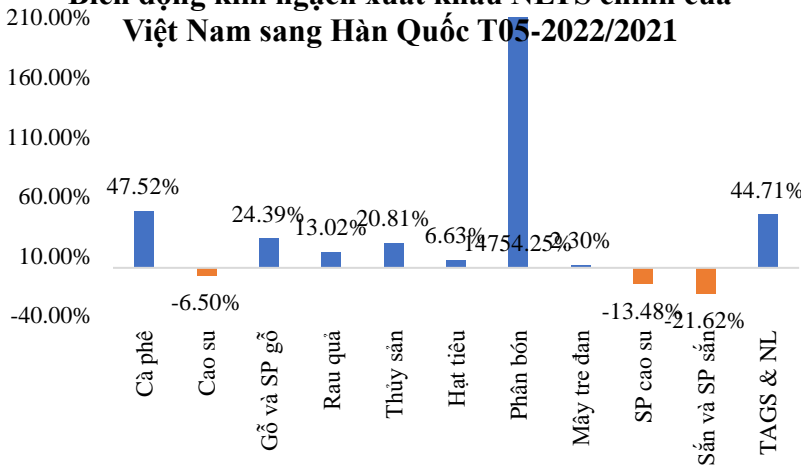
**Xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam- Hàn Quốc
T05-2022/2021**



**So sánh xuất nhập khẩu
NLTS Việt Nam –
Hàn Quốc
T05-2022/2021**

Xuất khẩu	▲ 24,63 %
Nhập khẩu	▲ 25,24 %

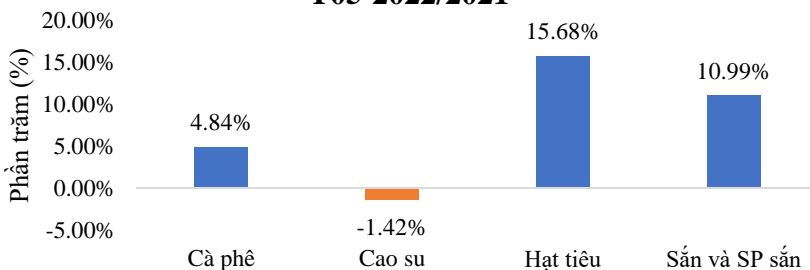
**Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của
Việt Nam sang Hàn Quốc T05-2022/2021**



So sánh T05-2022/2021

Cà phê	▲ 47,52%
Cao su	▼ 6,50%
Gỗ và SP gỗ	▲ 24,39%
Hàng rau quả	▲ 13,02%
Hàng thủy sản	▲ 20,81%
Hạt tiêu	▲ 6,63%
Phân bón	▲ 14754,25%
Máy tre đan	▲ 2,30%
SP từ cao su	▼ 13,48%
Sắn và SP sắn	▼ 21,62%
TAGS & NL	▲ 44,71%

**Biến động giá xuất khẩu bình quân
T05-2022/2021**



**So sánh giá xuất khẩu BQ
T05-2022/2021**

Cà phê	▲ 4,84%
Cao su	▼ 1,43%
Hạt tiêu	▲ 15,68%
Sắn và SP sắn	▲ 10,99%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Bộ Tài chính Hàn Quốc cho biết nền kinh tế nước này năm 2022 sẽ tăng trưởng ở mức thấp nhất trong 3 năm trước trong bối cảnh thế giới đối mặt với tình trạng gián đoạn nguồn cung, lạm phát tăng và lãi suất tăng mạnh.

Chính phủ của Tổng thống Yoon Suk-yeol khi đề ra sáng kiến chính sách kinh tế đầu tiên đã hạ dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2022 từ 3,1% xuống 2,6% và nâng dự báo lạm phát từ 2,2% lên 4,7% - mức cao nhất kể từ năm 2008.

Để giúp các doanh nghiệp Hàn Quốc giảm áp lực của lạm phát, chính phủ đã đề xuất giảm thuế doanh nghiệp tối đa từ mức 25% được áp đặt từ năm 2018, xuống 22% - mức trung bình của các nước thành viên trong Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD).

Xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp và thủy sản của Hàn Quốc đã tăng 14,6% trong nửa đầu năm nay do nhu cầu cao đối với thực phẩm của Hàn Quốc.

Theo Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn Hàn Quốc, các lô hàng nông sản và thủy sản xuất đi đạt 6,21 tỷ USD trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 6, tăng từ mức 5,42 tỷ USD so với một năm trước đó. Trong đó, doanh thu bán hàng nông sản đạt 4,5 tỷ USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm ngoái và hàng hóa thủy sản tăng 37,2% lên 1,71 tỷ USD.

Xuất khẩu mì tăng 20% lên 383,7 triệu USD do nhu cầu ngày càng tăng đối với các sản phẩm ăn liền và doanh số bán rong biển khô, được gọi là "gim" trong tiếng Hàn, tăng 13,8% lên 375,9 triệu USD. Gim thường được rang với dầu mè và muối tinh, và được phục vụ như một món ăn phụ trong bữa ăn của người Hàn Quốc.

Dữ liệu cho thấy nhu cầu ở nước ngoài đối với đồ ăn nhẹ tăng 11,5% lên 314,6 triệu USD và các sản phẩm gạo chế biến tăng 13,3% lên 90,4 triệu USD.

Xuất khẩu sang Trung Quốc tăng 21,1% so với cùng kỳ năm ngoái lên 1,03 tỷ USD, và xuất khẩu sang Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) tăng 13,7% lên 1,23 tỷ USD. Xuất khẩu sang Nhật Bản tăng 9% lên 1,06 tỷ USD. Xuất khẩu tới Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu cũng tăng lần lượt 11,4% và 26,6% so với cùng kỳ năm ngoái trong nửa đầu năm nay.

Tháng 04/2022, Việt Nam xuất khẩu 239,3 triệu USD các mặt hàng NLTS chính tới Hàn Quốc, tăng 24,6% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ có kim ngạch xuất khẩu cao nhất tới thị trường này chiếm 39,4%, thứ hai là thủy sản với 33,7%, rau quả chiếm 7,0%. Trong các mặt hàng xuất khẩu chính, cao su và

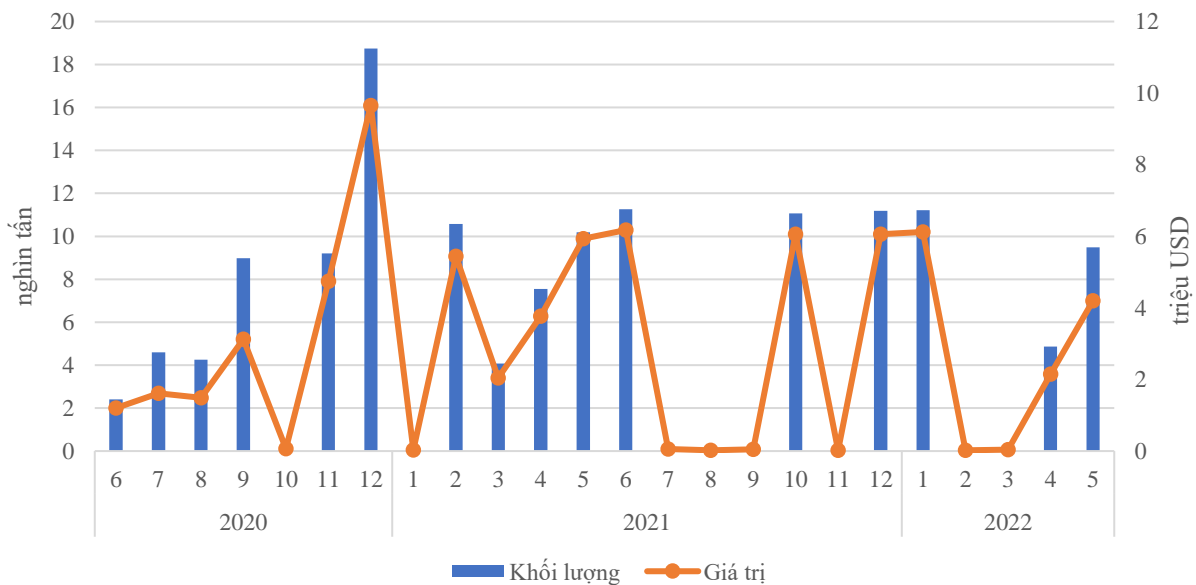
sản phẩm cao su, sắt và sản phẩm sắt là các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm, còn lại các mặt hàng khác có kim ngạch tăng so với cùng kỳ năm 2021.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 5/2022, Việt Nam xuất khẩu được 9,5 nghìn tấn gạo, trị giá 4,2 triệu USD sang Hàn Quốc, tăng 95,1% về khối lượng và 95,2% về giá trị so với tháng trước; nhưng giảm 6,8% về khối lượng và 29,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 5 tháng đầu năm 2022 đạt 25,7 nghìn tấn, trị giá 12,5 triệu USD, giảm 20,7% về khối lượng và 27,2% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

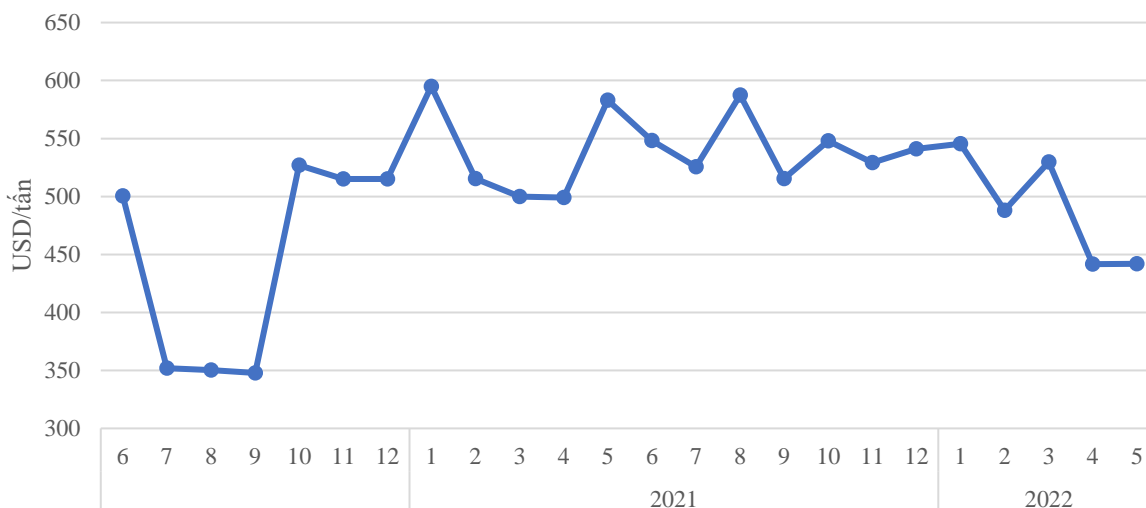
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hàn Quốc tháng 5/2022 đạt 441,9 USD/tấn, tăng 0,04% so với tháng trước, nhưng giảm 24,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc

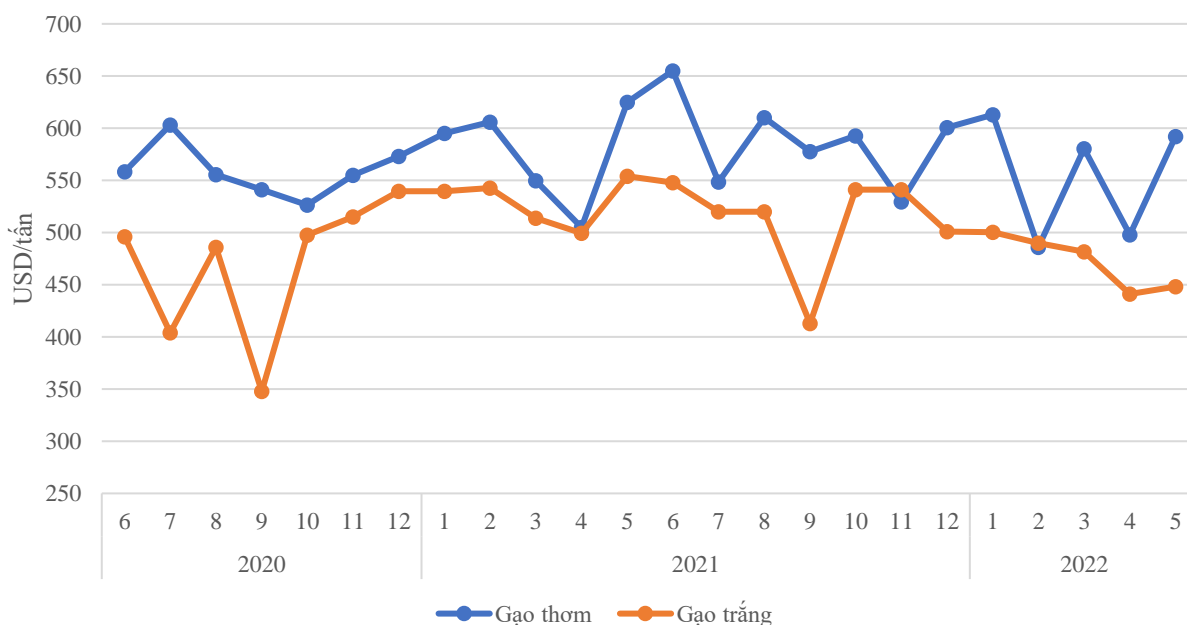


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 5/2022, gạo trắng là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang Hàn Quốc, chiếm 99,4% về khối lượng và 99,2% về giá trị trong tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc trong tháng.

Giá xuất khẩu gạo thơm đạt 592,0 USD/tấn, tăng 18,9% so với tháng trước nhưng giảm 5,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá xuất khẩu gạo trắng đạt 448,2 USD/tấn, tăng 1,6% so với tháng trước nhưng giảm 19,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hàn Quốc

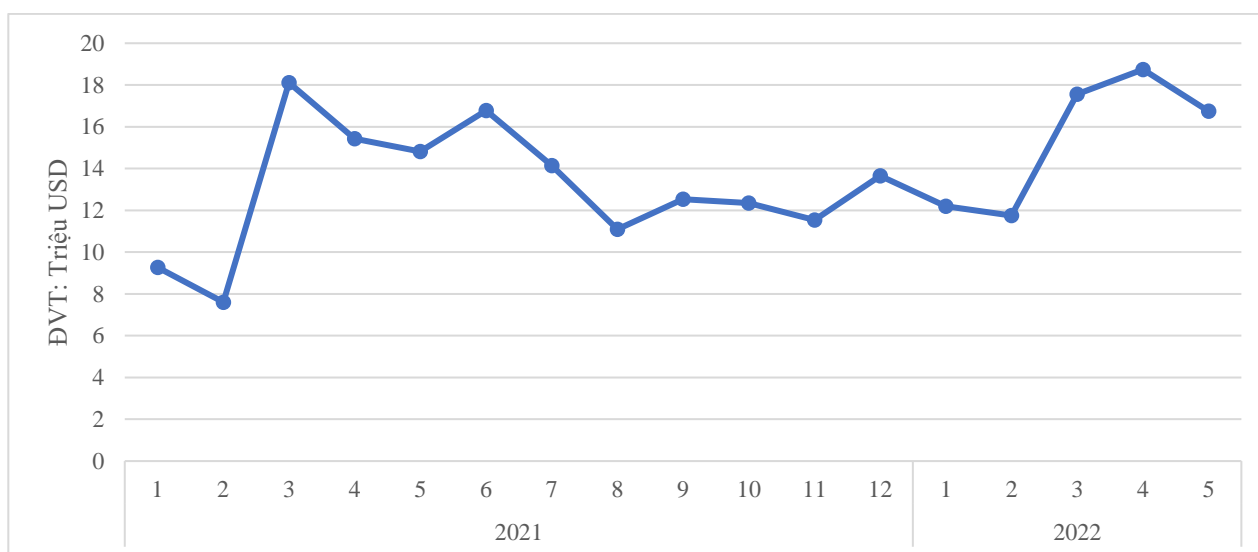


Nguồn: Tổng cục Hải quan

2. RAU QUẢ

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc tháng 5 năm 2022 đạt 16,7 triệu USD, chiếm 6,5% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 10,7% so với tháng trước và tăng 13,0% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hàn Quốc đạt 77 triệu USD (chiếm 5,4% thị phần), tăng 18,1% so với cùng kỳ năm 2021.

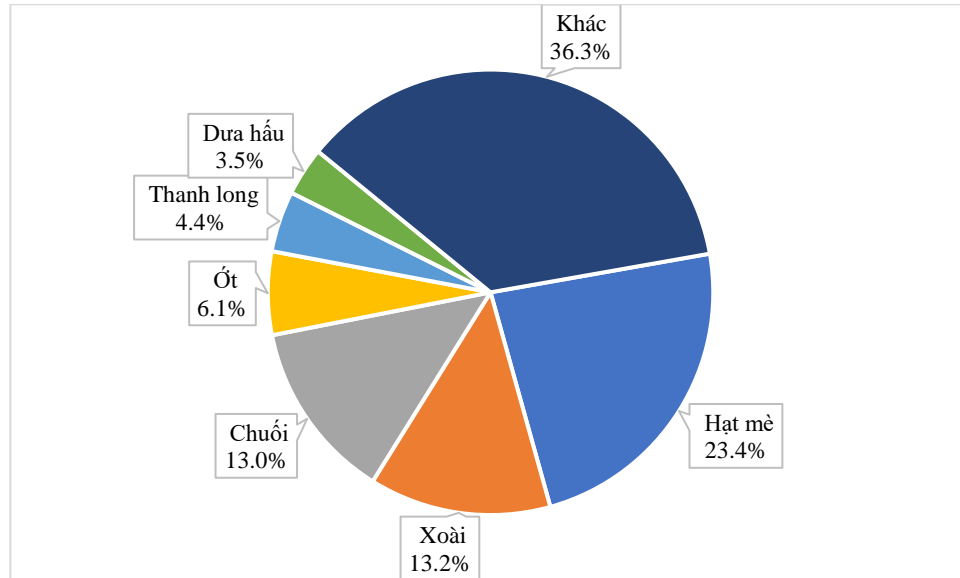
Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 5 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 8,7 triệu USD (chiếm 52,2% thị phần, giảm 1,8% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 8,0 triệu USD (chiếm 47,8% thị phần), tăng 31,1%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 6,3 triệu USD, tăng 135,4% so với cùng kỳ năm trước; (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 1,4 triệu USD (tăng 128,9%); (iii) rau, quả muối chua (Mã HS: 2001) đạt 824,2 nghìn USD (tăng 121,6%); v.v.

Trong tháng 5 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều nhất bao gồm: hạt mè đạt 3,9 triệu USD (chiếm 23,4% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 13,8% so với cùng kỳ năm 2021; xoài đạt 2,2 triệu USD (chiếm 13,2%), tăng 5,1%; chuối đạt 2,2 triệu USD (chiếm 13,0%), tăng 260,7%; ớt đạt 1,0 triệu USD (chiếm 6,1%), giảm 70,8%; thanh long đạt 740,0 nghìn USD (chiếm 4,4%), tăng 41,4%; v.v.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 05/2022

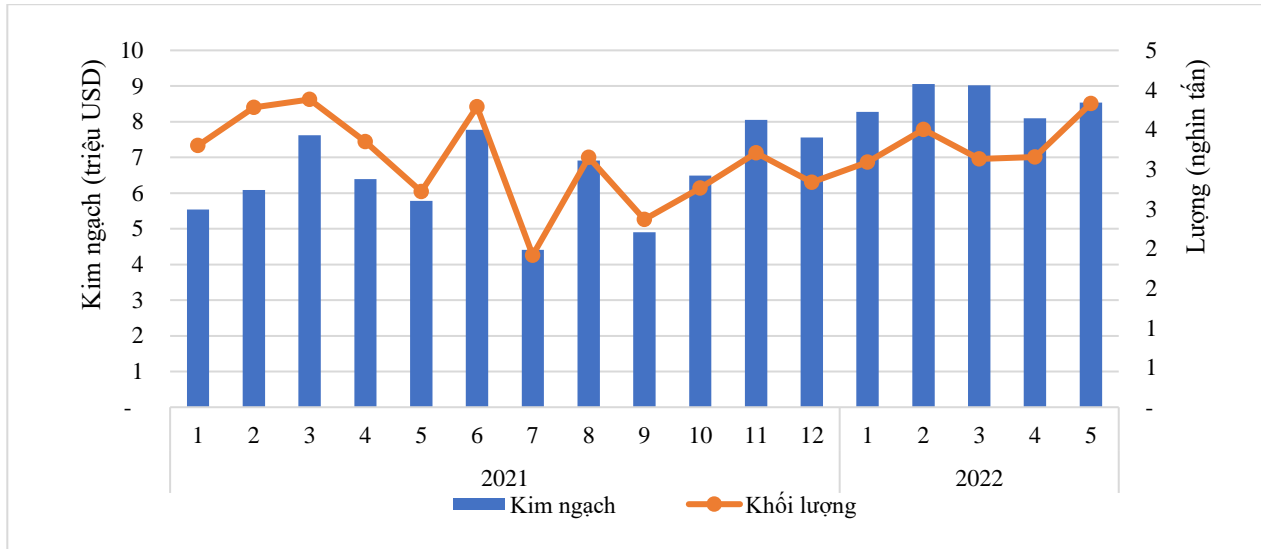
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc tháng 5 năm 2022 đạt 3,5 triệu USD, chiếm 2,1% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 66,5% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 26,2 triệu USD, chiếm 3,6% thị phần, tăng 55,0% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 5/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: rong biển đạt 1,8 triệu USD (chiếm 50,8%), tăng 47,3% so với cùng kỳ năm 2021; lê đạt 350,7 nghìn USD (chiếm 9,9%), cao gấp 84 lần; dâu tây đạt 251 nghìn USD (chiếm 7,1%), tăng 41,1%; v.v.

3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 05/2022 ước đạt 3,8 nghìn tấn với trị giá 8,5 triệu USD, tăng 21,3% về lượng và 5,4% về giá trị so với tháng trước, và tăng 40,7% về lượng và 47,5% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

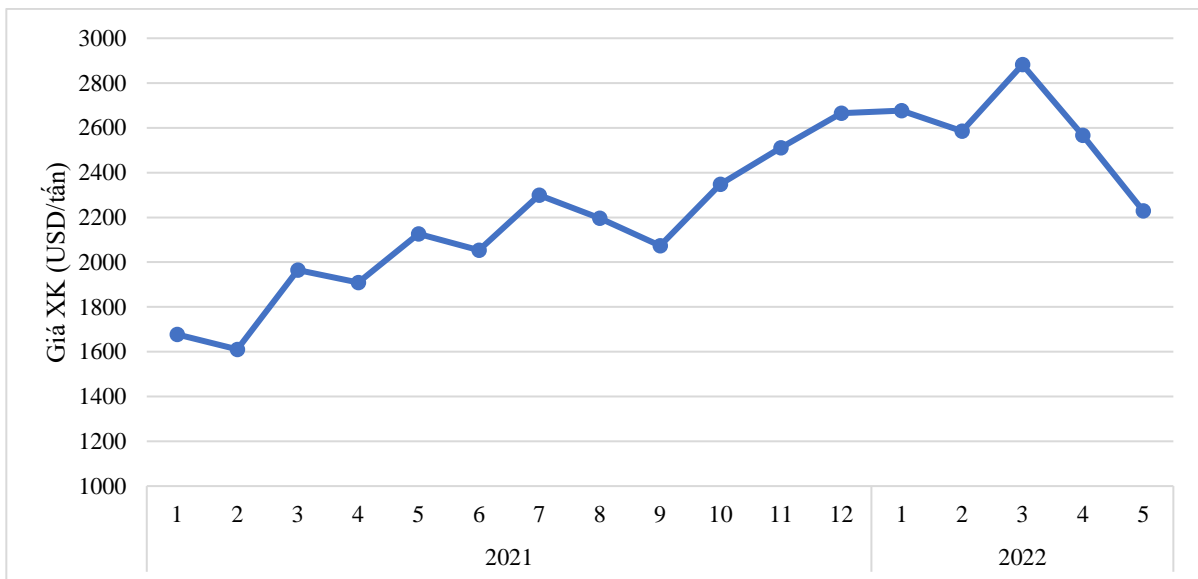
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 05/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc đạt 2.229 USD/tấn, giảm 13,1% so với tháng trước và tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước.

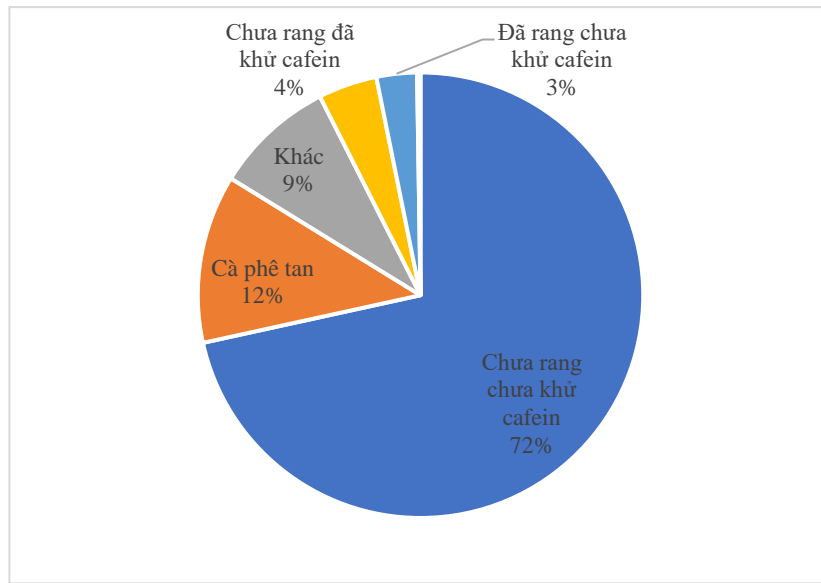
Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 05/2022, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 6,1 triệu USD, chiếm 71,6% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 1,0 triệu USD, chiếm 12,2% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê chưa rang đã khử cafein chiếm 4,3% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 8: Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 05/2022

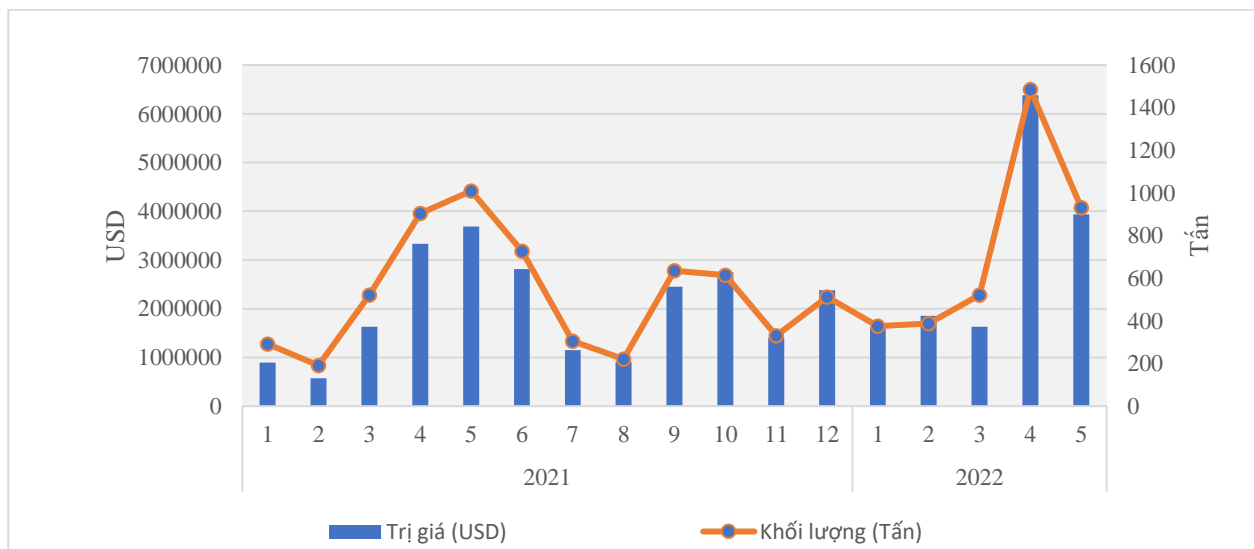


Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 5/2022 đã giảm mạnh so với tháng trước. Trong tháng này, Việt Nam xuất khẩu được 931 tấn hồ tiêu với giá trị khoảng 3,9 triệu USD, tăng 2,99% về khối lượng nhưng giảm 7,82% về giá trị so với tháng trước; tăng 48% về khối lượng và 42,32% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

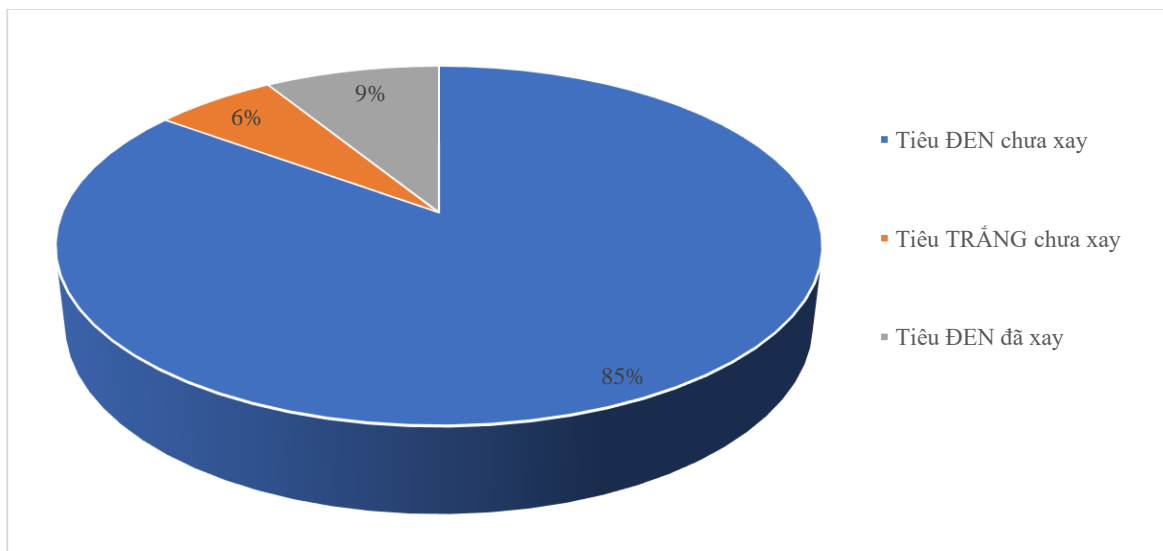
Hình 9: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục hải quan

Trong tháng 5/2022, tiêu đen chưa xay vẫn là sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 85% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 5,69% so với tháng trước nhưng giảm 42,81% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ 2 là tiêu trắng chưa xay, chiếm 6%, tăng 9,64% so với tháng trước và 32,52% so với cùng kỳ năm 2021.

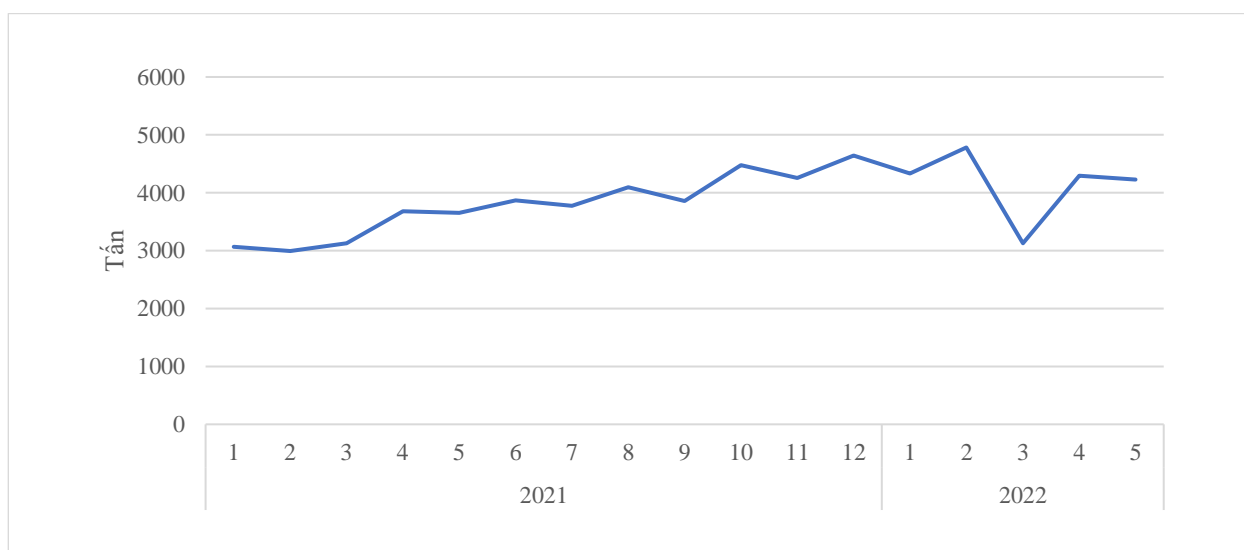
Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu tiêu sang thị trường Hàn Quốc tháng 05/2022



Nguồn: Tổng cục hải quan

Giá xuất khẩu hồ tiêu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 5/2022 đã tăng trở lại, đạt mức 4.226 USD/tấn, tăng 14,8% so với tháng trước và 15,7% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 11: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc (USD/tấn)



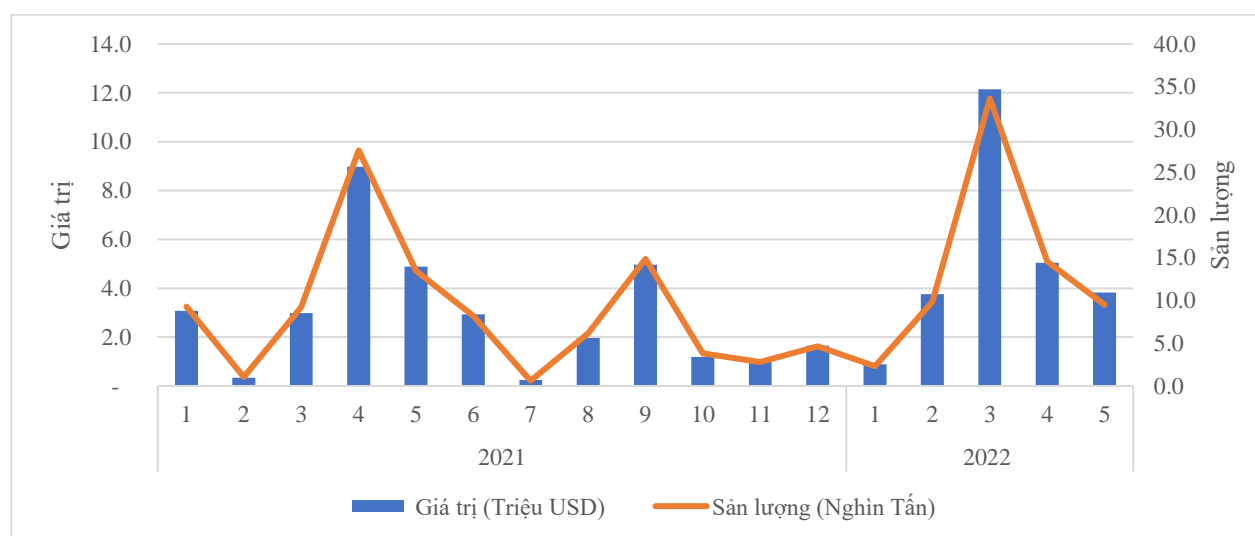
Nguồn: Tổng cục hải quan

5. SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Hàn Quốc, trong 4 tháng đầu năm 2022, Hàn Quốc nhập khẩu 93,33 nghìn tấn sản (mã HS 071410), trị giá 28,37 triệu USD, tăng 101,7% về lượng và tăng 134,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021, giá nhập khẩu bình quân đạt 304 USD/tấn, tăng 16,4% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Thái Lan, Việt Nam và Philippines là 3 thị trường cung cấp sản cho Hàn Quốc. Về tinh bột sản (mã HS 110814), Hàn Quốc nhập khẩu 11,31 nghìn tấn, trị giá 6,05 triệu USD trong 4 tháng đầu năm 2022, tăng 138,6% về lượng và tăng 167,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Thái Lan và Việt Nam là hai thị trường cung cấp tinh bột sản cho thị trường Hàn Quốc.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 5/2022, Việt Nam xuất khẩu được 9.521 tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 3,8 triệu USD sang thị trường Hàn Quốc, giảm 34,5 % về khối lượng và giảm 24,0% về giá trị so với tháng 4/2022; giảm 29,4% về khối lượng và giảm 21,6% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2022, khối lượng sản và sản phẩm từ sản xuất khẩu sang thị trường này đạt 72.226 tấn, trị giá đạt 25,4 triệu USD, tăng 25,3% về khối lượng và tăng 32,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường Hàn Quốc

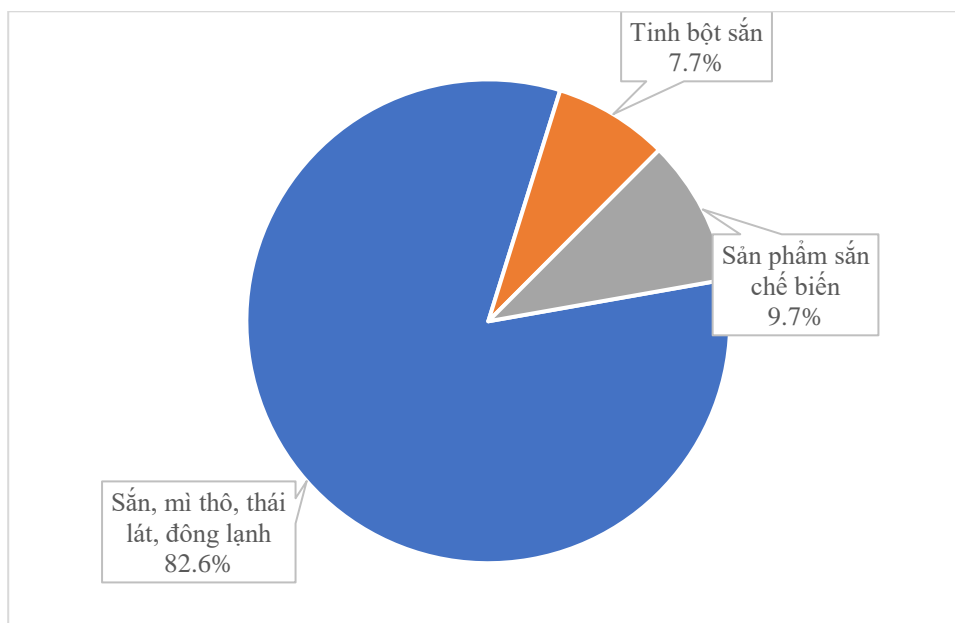


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Hàn Quốc chiếm 3,7% về khối lượng và 3,4% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 5 năm 2022. Trong đó, sản lát, đông lạnh đạt 3,2 triệu USD (chiếm 82,6% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường này), giảm 35,0%

so với cùng kỳ năm 2021; tinh bột sắn đạt 293,7 nghìn USD (chiếm 7,7%), cao gấp 15 lần; sản phẩm sắn chế biến đạt 373,0 nghìn USD (chiếm 9,7%).

Hình 13: Cơ cấu xuất khẩu sắn sang thị trường Hàn Quốc

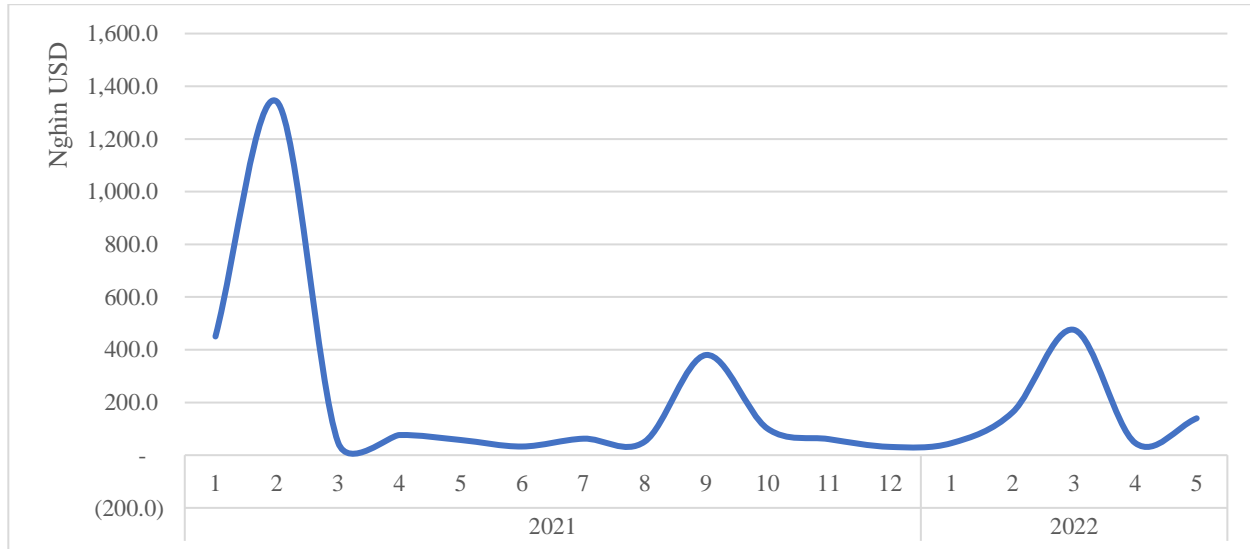


Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Bộ Nông nghiệp Hàn Quốc cho biết, hôm 26/5, một ca nhiễm ASF đã được phát hiện ở một trang trại nuôi khoảng 1.500 con heo ở tỉnh Hongcheon. Các nhà chức trách đã ban hành lệnh ngừng hoạt động đối với toàn bộ trang trại chăn nuôi heo và các cơ sở liên quan đến chăn nuôi khác cho đến ngày 30/5. Đợt bùng phát mới nhất đánh dấu lần đầu tiên trong hơn 7 tháng qua dịch ASF được phát hiện tại trang trại chăn nuôi heo của quốc gia này.

Trong tháng 5/2021, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 139,7 nghìn USD, tăng 143% so với tháng 5/2021 và 204,3% so với tháng trước.

Hình 14: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu, trong tháng 5/2022, Việt Nam đã nhập khẩu 6,2 triệu USD sản phẩm thịt từ Hàn Quốc, giảm 12,4% so với tháng trước, và tăng 56% so với cùng kỳ năm trước, sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là thịt gia cầm đã qua giết mổ và thịt chế biến chiếm 99% đạt 6,1 triệu USD tăng 54,5% so với tháng 5/2021 và giảm 13,6% so với tháng trước.

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo nhu cầu thịt lợn của Hàn Quốc trong năm 2022 sẽ vẫn ổn định và có thể được cải thiện trong nửa cuối năm 2022, nhờ việc mở cửa trở lại lĩnh vực nhà hàng của nước này. Tuy nhiên, các hạn chế liên quan đến dịch COVID-19 tiếp tục tác động đến các cơ sở kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các doanh nghiệp của Hàn Quốc, nơi lượng thịt được tiêu thụ nhiều. Trong khi đó, sản lượng thịt lợn nội địa năm 2022 của Hàn Quốc được dự báo tiếp tục tăng.

7. THỦY SẢN

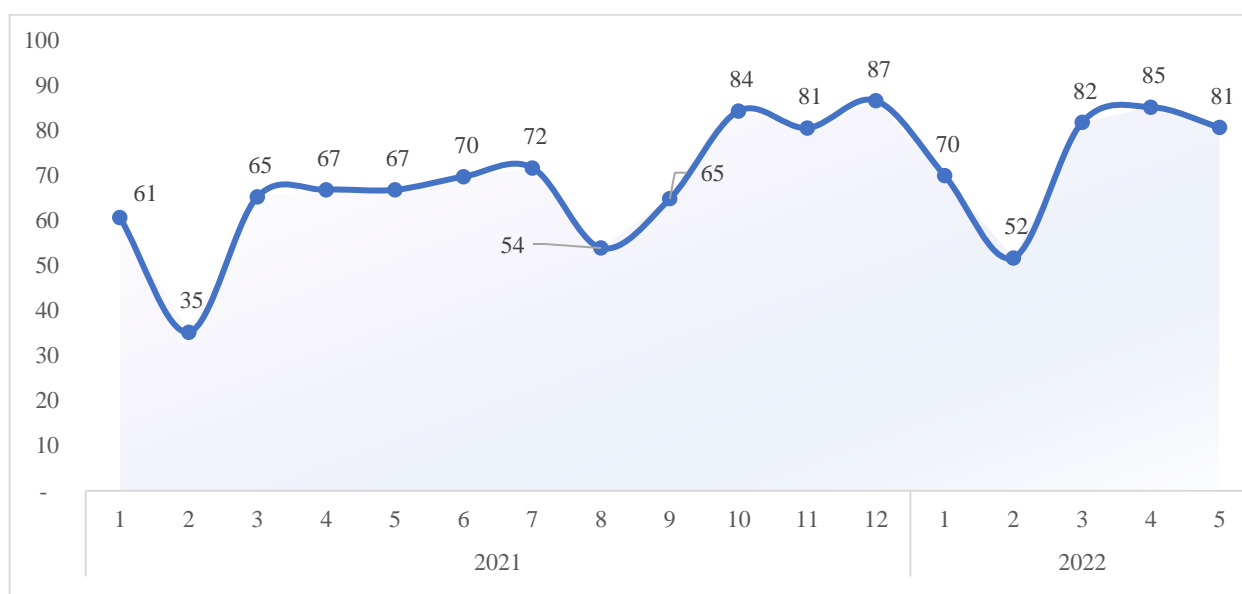
Theo số liệu thống kê của cơ quan Hải quan Hàn Quốc, tháng 5/2022, nhập khẩu thủy sản của nước này đạt 141,6 nghìn tấn, trị giá 572,6 triệu USD, tăng 35,1% về lượng và tăng 28,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Đây là tháng thứ 4 liên tiếp nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc đạt 704,1 nghìn tấn, trị giá 2,8 tỷ USD, tăng 18,8% về lượng và tăng 24% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021.

Tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2022, Nga là thị trường cung cấp thủy sản lớn nhất cho Hàn Quốc. Tháng 5/2022, nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc từ Nga đạt 52,5

nghìn tấn, trị giá 135,4 triệu USD, tăng 128,9% về lượng và tăng 66,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc từ thị trường Nga tăng mạnh khi giá thủy sản nhập khẩu từ Nga cạnh tranh hơn. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc từ Nga đạt 268,9 nghìn tấn, trị giá 672,56 triệu USD, tăng 88,7% về lượng và tăng 66,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần thủy sản của Nga trong tổng lượng nhập khẩu của Hàn Quốc tăng từ 24% trong 5 tháng đầu năm 2021, lên 38,2% trong 5 tháng đầu năm 2021.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 5/2022, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt 80,69 triệu USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này 5 tháng đầu năm đạt 369,4 triệu USD, chiếm 7,8% tổng giá trị xuất thủy sản của Việt Nam, tăng 25,3% so với cùng kỳ. Hàn Quốc là một trong 5 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng này sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc. Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm 52,1%; tiếp đến là Mực và bạch tuộc chiếm 27,6%.

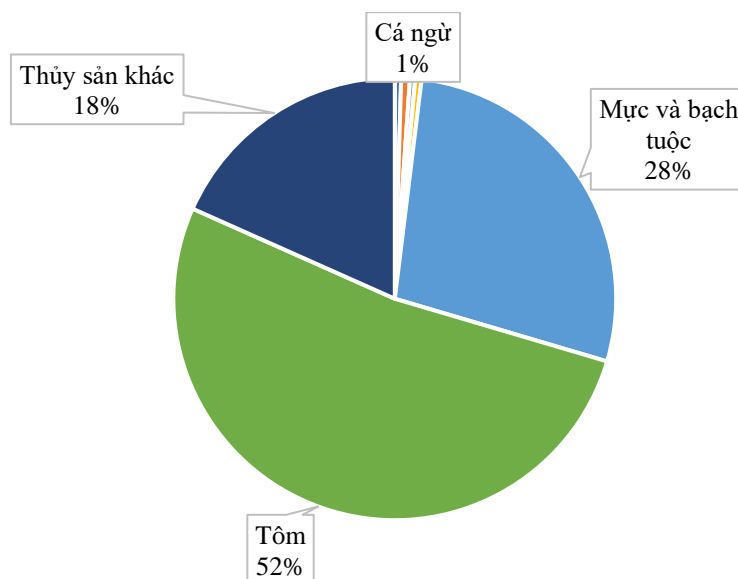
Hình 15: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 5/2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tiếp tục giữ được đà tăng trưởng, tăng 20,7% so với cùng kỳ năm trước nhưng giảm 5,3% so với tháng 4/2022. Trong đó, tăng mạnh nhất là cua ghe, tăng 72,1% so với cùng kỳ năm trước; cá da trơn tăng 71,4%.

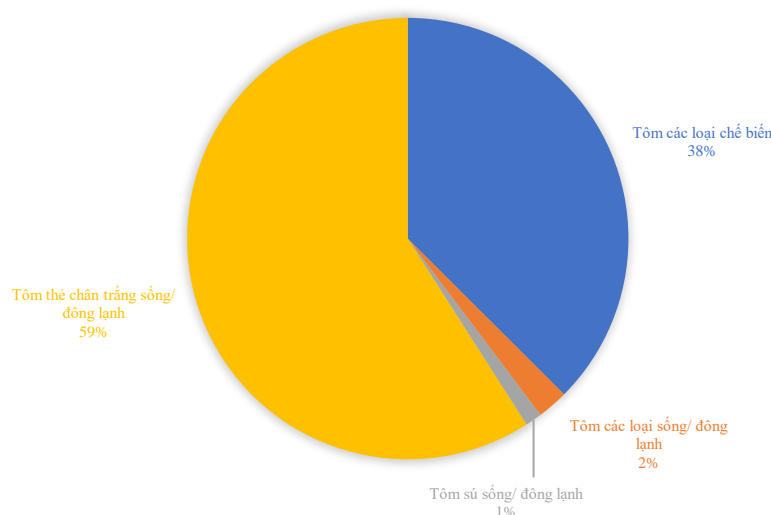
Hình 16. Cơ cấu sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 05/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tôm là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường này trong tháng 5/2022 đạt 42 triệu USD, chiếm 52,1% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này, tăng 71,4% so với cùng kỳ năm trước. Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh vẫn là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm khoảng 59%, tôm các loại chế biến đứng thứ 2 chiếm 37,5% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hàn Quốc tháng 05/2022



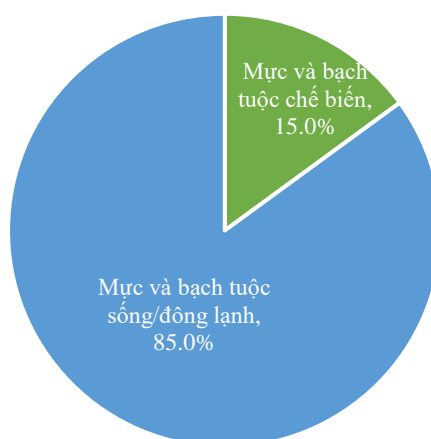
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 5/2022, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh sang thị trường này đạt 24,8 triệu USD, tăng 22,3% so với cùng kỳ năm trước; tôm chế biến

đạt 15,8 triệu USD, tăng 35,9%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,9 triệu USD, tăng 40,4%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 0,5 triệu USD, giảm 18,4%.

Mặt hàng mực và bạch tuộc, giá trị xuất khẩu tháng 5 năm 2022 đạt 22,3 triệu USD, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu mực và bạch tuộc sống/đông lạnh đạt 19 triệu USD, tăng 13,6% so với cùng kỳ năm trước; mực và bạch tuộc chế biến đạt 3,3 triệu USD, tăng 33,5%.

Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu mực và bạch tuộc sang Hàn Quốc tháng 05/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Một số mặt hàng thủy sản thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 5/2022: Cua – ghẹ đạt 0,4 triệu USD, tăng 72,1%; cá da trơn đạt 0,4 triệu USD, tăng 71,4% so với cùng kỳ năm trước; cá rô phi đạt 0,3 triệu USD, tăng 33,4%; cá ngừ đạt 0,5 triệu USD tăng 25%.

Tháng 5/2022, giá bình quân của một số mặt hàng thủy sản chính sang thị trường Hàn Quốc như sau: Giá xuất khẩu tôm trung bình đạt 9,3 USD/kg, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước; Mực và bạch tuộc đạt 12 USD/kg, tăng 26,5%.

Bảng 1: Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 05/2022

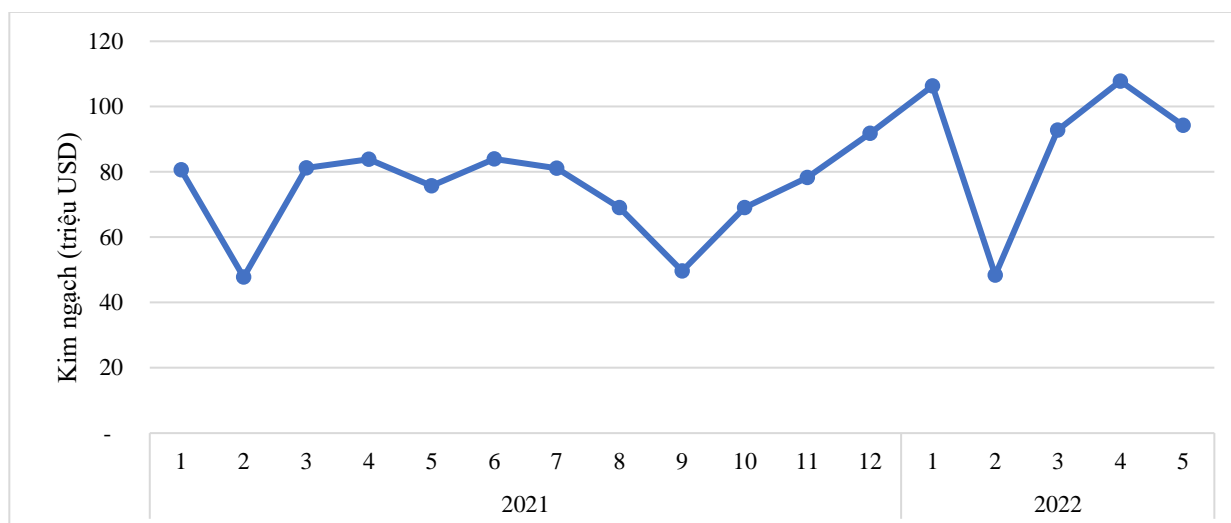
TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	3,7	28,4%	24,0%
2	Cá rô phi	5,4	-1,2%	73,8%
3	Cua, ghẹ	2,7	8,2%	-0,2%
4	Mực và bạch tuộc	5,1	-9,1%	-0,2%
5	Tôm	12,0	26,5%	19,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 05/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 94,3 triệu USD, giảm 12,6% so với tháng trước nhưng tăng 24,4% so với cùng kỳ năm 2021.

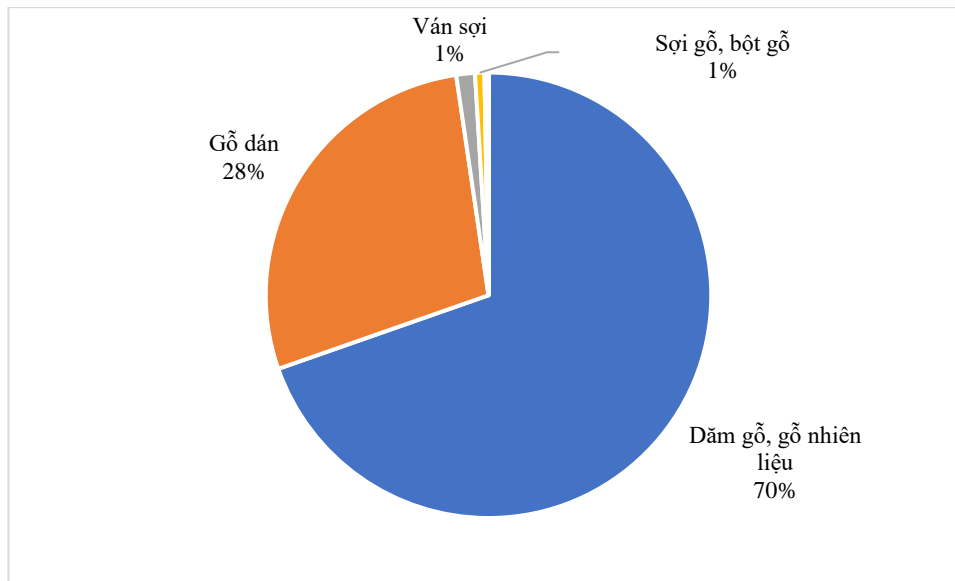
Hình 19: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 05/2022, dăm gỗ là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 50,9 triệu USD, chiếm 69,6% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ dán với kim ngạch 20,5 triệu USD, chiếm 28,0% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là ván sợi và sợi gỗ chiếm lần lượt 1,4% và 0,7% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 20: Chứng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 05/2022

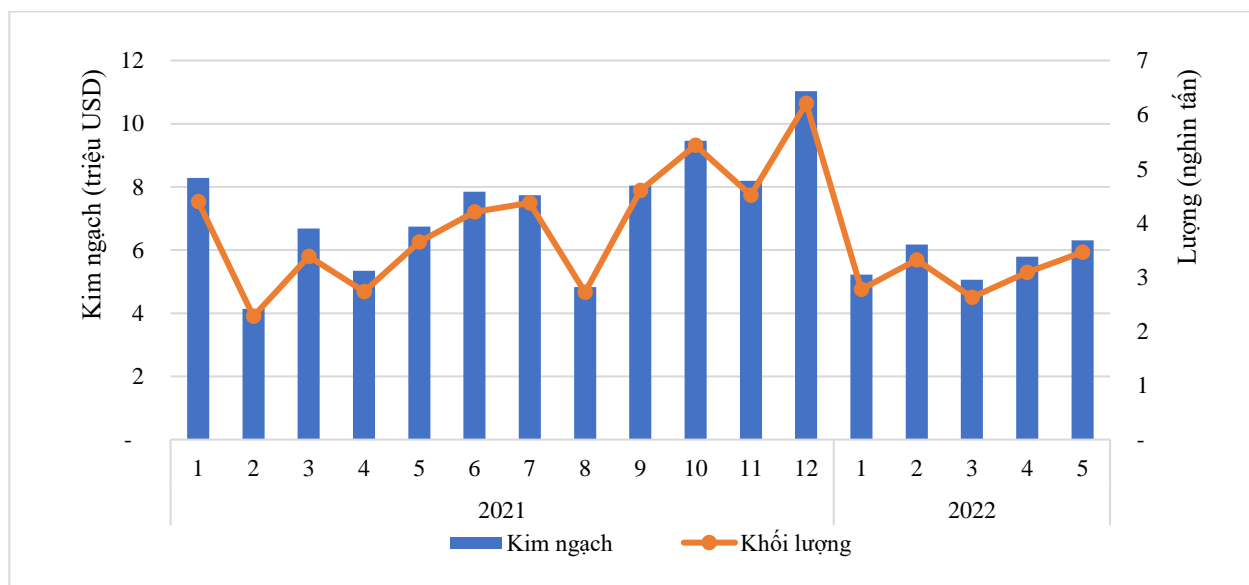


Nguồn: Tổng cục Hải quan

9. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 05/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 3,5 nghìn tấn với trị giá 6,3 triệu USD, tăng 12,2% về khối lượng và 8,9% về giá trị so với tháng trước, nhưng giảm 5,2% về khối lượng và 6,5% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

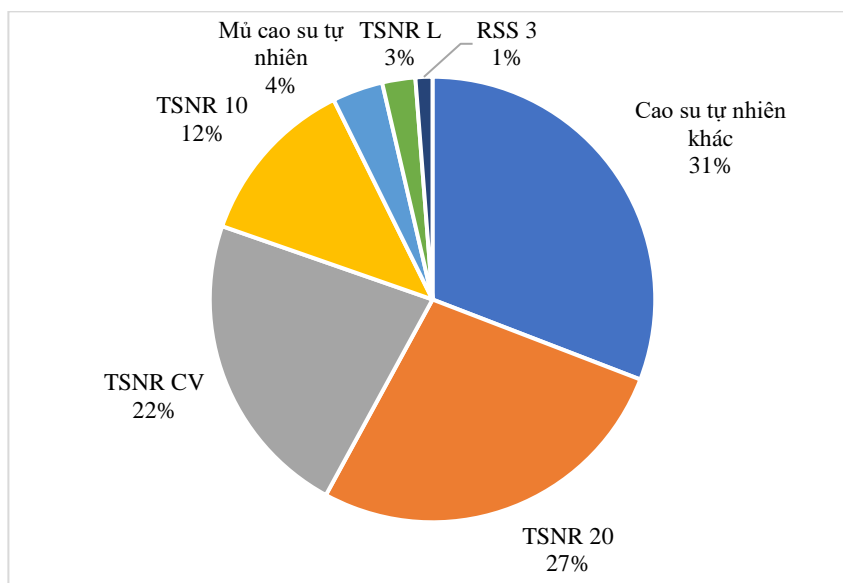
Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 05/2022, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR 20 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 1,9 triệu USD, chiếm 30,8% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR CV với kim ngạch 1,4 triệu USD, chiếm 22,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR 10 và mủ cao su tự nhiên chiếm lần lượt 12,3% và 3,7% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

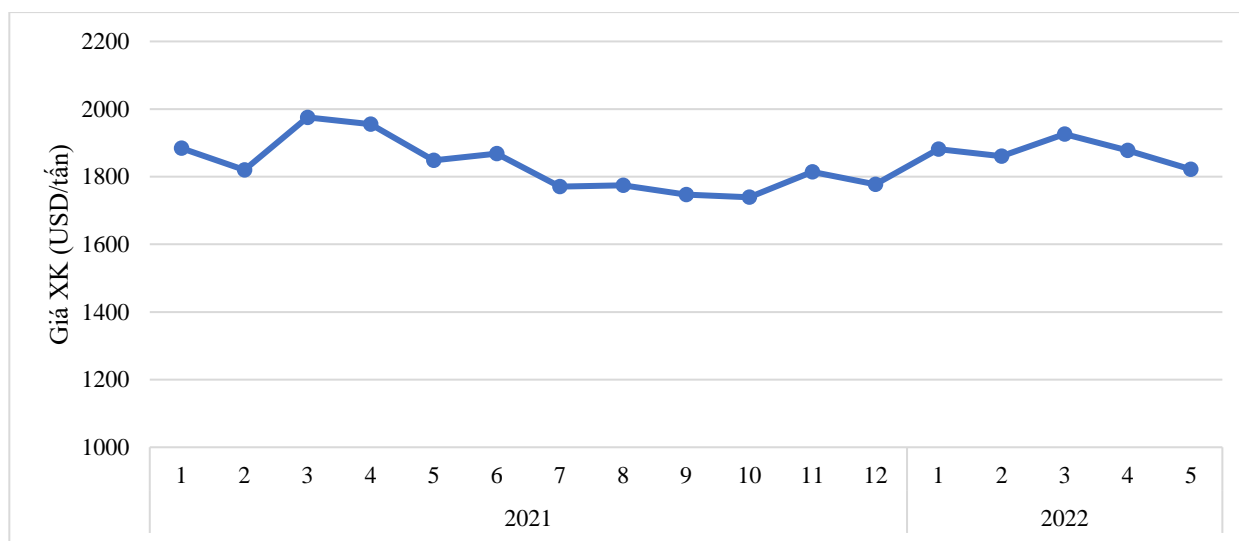
Hình 22: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 05/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc đạt mức 1.822 USD/tấn trong tháng 05/2022, giảm 3,0% so với tháng trước, và giảm 1,4% so với cùng kỳ 2021.

Hình 23: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Thủy sản

Dự báo, nhập khẩu thủy sản của Hàn Quốc trong thời gian tới sẽ tiếp tục tăng do nhu cầu tiêu dùng thủy sản ở thị trường này tăng. Theo ước tính của Viện Kinh tế Nông thôn Hàn Quốc (KREI), tiêu thụ thủy sản (bao gồm cá và thủy sản có vỏ) bình quân đầu người của Hàn Quốc năm 2021 đạt 40,6 kg/ người, tăng 0,7 kg/người so với năm 2020.

2. Gỗ và sản phẩm gỗ

Theo thống kê từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), trong giai đoạn năm 2017-2021, Hàn Quốc nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường trên thế giới đạt bình quân 1,2 tỷ USD/năm, tuy nhiên trị giá nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm 17,5% tổng trị giá nhập khẩu, như vậy vẫn còn rất nhiều dư địa để các doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam khai thác trong thời gian tới.

Trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu sang Hàn Quốc, mặt hàng dăm gỗ xuất khẩu có tốc độ tăng trưởng rất cao trong 2 tháng đầu năm 2022, đạt 16,55 triệu USD, tăng 130,9% so với cùng kỳ năm 2021.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 05/2022

STT	Sản phẩm	T05/2022 (USD)	Tăng/giảm so với T05/2021	Tỷ trọng (%)
1	Cà phê	8.536.306	47,52%	3,57%
2	Cao su	6.307.105	-6,50%	2,64%
3	Gỗ và SP gỗ	94.260.685	24,39%	39,40%
4	Hàng rau quả	16.746.927	13,02%	7,00%
5	Hàng thủy sản	80.689.019	20,81%	33,72%
6	Hạt tiêu	3.934.548	6,63%	1,64%
7	Mây tre đan	2.547.783	2,30%	1,06%
8	SP từ cao su	8.249.394	-13,48%	3,45%
9	Sắn và SP từ sắn	3.827.922	-21,62%	1,60%
10	TAGS & NL	2.012.457	44,71%	0,84%
Tổng XK NLTS		239,268,867		100,00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hàn Quốc tháng 05/2022

TT	Loại sản phẩm	Tháng 05/2021		Tháng 05/2022		So sánh 2022/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo trắng	10.133	5.906.815	9.433	4.161.285	-6,9%	-29,6%
2.	Gạo thơm	43	24.700	45	24.449	5,4%	-1,0%
3.	Các loại gạo khác	8	5.349	12	8.062	50,3%	50,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê sang Hàn Quốc tháng 05/2022

Mặt hàng	T05/2021 (USD)	T05/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	3.655.465	6.104.239	66,99%
Cà phê tan	1.087.296	1.041.965	-4,17%
Khác	482.407	746.718	54,79%
Đã rang chưa khử cafein	491.524	250.533	-49,03%
Chưa rang đã khử cafein	64.785	364.815	463,12%
Đã rang đã khử cafein	3.004	20.932	596,81%
Tổng	5.784.481	8.529.203	47,45%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hàn Quốc tháng 05/2022

TT	Sản phẩm	Tháng 05/2021	Tháng 05/2022	So sánh 2022/2021
		(USD)	(USD)	
	Tổng giá trị XK	14.817.980	16.746.927	13,0%
1	Hạt mè	3.452.249	3.927.005	13,8%
2	Xoài	2.103.742	2.210.706	5,1%
3	Chuối	605.310	2.183.651	260,7%
4	Ớt	3.477.196	1.013.680	-70,8%
5	Thanh long	523.325	740.031	41,4%
6	Dưa hấu	223.110	589.982	164,4%
7	Khác	4.433.049	6.081.871	37,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Cơ cấu sản và sản phẩm sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 05/2022

TT	Sản phẩm	T05/2021 (USD)	T05/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
1	Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	4.864.575	3.161.237	-35,0%
2	Tinh bột sắn	19.532	293.664	1403,5%
3	Sản phẩm sắn chế biến	-	373.021	-
	Tổng giá trị XK	4.884.107	3.827.922	-21,6%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hàn Quốc tháng 05/2022

Loại sản phẩm	Tháng 5/2022 (USD)	Tháng 5/2022 (USD)	So sánh 2022/21 (%)
Cá da trơn	372.039,5	521.038,6	-28,6%
Cá ngừ	515.157,7	418.914,5	23,0%
Cá rô phi	309.171,7	231.722,0	33,4%
Cua, ghe	367.715,0	213.720,5	72,1%
Mực và bạch tuộc	22.294.566,6	19.185.142,1	16,2%
Tôm	42.037.917,8	33.190.856,2	26,7%
Thủy sản khác	14.792.450,8	13.064.903,0	13,2%
Tổng	80.689.019,0	66.826.296,9	20,7%

Nguồn: Tổng cục Hải quan